BUT VANG

Họ và tên : ……

Lớp: 4

BÀI TẬP THEO TUẦN

TUẦN 1

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Nếu a = 8 thì giá trị của biểu thức 23654 – 8 × a là:

A. 2345 B. 23 590 C. 23 646 D. 189 168

Câu 2. Mẹ mua 9 kg thịt hết 270000 đồng. Vậy mẹ mua 5 kg thịt loại cùng giá hết:

A. 30 000 đồng B. 54 000 đồng C. 40 000 đồng D. 150 000 đồng

Câu 3. Một số khi nhân với 9 có tích bằng 513, vậy tích của số đó với 3 sẽ bằng:

A. 3 B. 1539 C. 171 D. 57

Câu 4. Số bé nhất trong các số 3128, 5529, 1234, 8756, 1224 là:

A. 8756 B. 1124 C. 1224 D. 1234

Câu 5. Chu vi hình chữ nhật có chiều dài là 81cm, chiều rộng là 12cm là:

A. 93cm B. 186 C. 105cm D. 186cm

Câu 6. $x \times 7 = 3661$. Giá trị của x là:

A. 523 B. 234 C. 25 427 D. 533

Câu 7. Số 45021 đọc là:

A. Bốn nghìn không trăm hai mươi mốt.

B. Bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mốt.

C. Bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi một.

D. Bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi mốt.

Câu 8. Số "Năm mươi nghìn ba trăm linh hai", được viết là:

A. 50 032 B. 50 302 C. 53 200 D. 500 302

BUTVANG.VN

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính giá trị biểu thức:

a. 9800 – 1600 × 5

…….

……..

c. (9800 – 1600) × 5

……..

……..

b. 1150 + 725 : 5

……

……

d. 3725 × 3 : 5

……

……

Bài 2. Tính giá trị biểu thức:

a. 1350 : n với n = 3

……

……

……

b. 37 × a + 13 × a với a = 6

……

……

……

Bài 3. Viết số biết số đó gồm:

a) 5 nghìn và 6 chục: ……

b) 4 chục nghìn, 2 trăm và 5 đơn vị: ……

c) 3 trăm nghìn , 5 nghìn và 4 chục: ……

d) 6 chục nghìn và 4 đơn vị: ……

Bài 4. Cho bốn chữ số 0, 3, 6, 9:

a) Có bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau được viết từ 4 chữ số trên? Đó là những số nào?

……

……

b) Tìm số lớn nhất, số bé nhất có 4 chữ số khác nhau được viết từ 4 chữ số trên:

……

Bài 5. Phân tích các số sau đây thành tổng của trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị:

a) 3468 = ...

b) 25673 = ...

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	C	D	A	D	B

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính giá trị biểu thức:

a. 9800 – 1600 × 5

= 9800 – 8000 = 1800

b. 1150 + 725 : 5

= 1150 + 145 = 1295

c. (9800 – 1600) × 5

= 7200 × 5 = 36000

d. 3725 × 3 : 5

= 11175 : 5 = 2235

Bài 2. Tính giá trị biểu thức:

a. 1350 : n với n = 3

Với n = 3 ta có: 1350 : 3 = 450

b. 37 × a + 13 × a với a = 6

Với a = 6 ta có: 37 × 6 + 13 × 6

= 6 × (13 + 37) = 6 × 50 = 300

Bài 3. Viết số biết số đó gồm:

a) 5 nghìn và 6 chục: 5060

b) 4 chục nghìn, 2 trăm và 5 đơn vị: 40205

c) 3 trăm nghìn , 5 nghìn và 4 chục: 305040

d) 6 chục nghìn và 4 đơn vị: 60004

Bài 4. Cho bốn chữ số 0, 3, 6, 9:

a) Có bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau được viết từ 4 chữ số trên? Đó là những số nào?

3069 ; 3096 ; 3609 ; 3690 ; 3906 ; 3960 ; 6039 ; 6093 ; 6309 ; 6390 ; 6903 ; 6930 ; 9036 ; 9063 ; 9306 ; 9360 ; 9603 ; 9630

b) Tìm số lớn nhất, số bé nhất có 4 chữ số khác nhau được viết từ 4 chữ số trên:

Số lớn nhất là: 9630

Số bé nhất là: 3069

Bài 5. Phân tích các số sau đây thành tổng của trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị:

a) 3468 = 3000 + 400 + 60 + 8

b) 25673 = 20000 + 5000 + 600 + 70 + 3

BUTVANG.VN